

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 11/04/2021

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Trần Văn Bảo	Nam	19/08/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1595/QĐ180/2021	TH001522	
2	Thái Bá Bình	Nam	14/09/2003	Nghệ An	7.0	6.5	1596/QĐ180/2021	TH001523	
3	Nguyễn Đình Đại	Nam	06/10/2002	Nghệ An	5.7	6.5	1597/QĐ180/2021	TH001524	
4	Đặng Văn Đức	Nam	02/09/2002	Nghệ An	6.7	5.5	1598/QĐ180/2021	TH001525	
5	Nguyễn Xuân Dũng	Nam	13/07/2003	Nghệ An	7.0	6.0	1599/QĐ180/2021	TH001526	
6	Tạ Đình Hà	Nam	09/08/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1600/QĐ180/2021	TH001527	
7	Nguyễn Hồng Hà	Nam	29/08/2003	Nghệ An	6.7	6.5	1601/QĐ180/2021	TH001528	
8	Hoàng Văn Hải	Nam	08/12/2003	Nghệ An	5.3	5.5	1602/QĐ180/2021	TH001529	
9	Phan Văn Hào	Nam	12/05/2003	Nghệ An	5.3	7.0	1603/QĐ180/2021	TH001530	
10	Cao Nguyên Hiếu	Nam	16/08/2003	Nghệ An	6.7	6.5	1604/QĐ180/2021	TH001531	
11	Nguyễn Văn Hoàn	Nam	07/11/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1605/QĐ180/2021	TH001532	
12	Nguyễn Ngọc Hoàng	Nam	07/04/2003	Nghệ An	6.0	6.0	1606/QĐ180/2021	TH001533	
13	Cao Văn Khoa	Nam	01/07/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1607/QĐ180/2021	TH001534	
14	Đoàn Văn Khoái	Nam	13/05/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1608/QĐ180/2021	TH001535	
15	Cao Văn Linh	Nam	20/11/2003	Nghệ An	5.3	5.0	1609/QĐ180/2021	TH001536	
16	Phạm Thị Oanh	Nữ	28/05/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1610/QĐ180/2021	TH001537	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
17	Tạ Quang Phát	Nam	04/06/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1611/QĐ180/2021	TH001538	
18	Thái Bá Phúc	Nam	20/10/2003	Nghệ An	6.0	6.0	1612/QĐ180/2021	TH001539	
19	Lê Trung Sáng	Nam	30/10/2003	Nghệ An	5.3	6.5	1613/QĐ180/2021	TH001540	
20	Lê Tân	Nam	11/07/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1614/QĐ180/2021	TH001541	
21	Nguyễn Văn Thiên	Nam	13/09/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1615/QĐ180/2021	TH001542	
22	Trương Văn Tiến	Nam	30/10/2002	Nghệ An	5.3	5.5	1616/QĐ180/2021	TH001543	
23	Nguyễn Văn Tĩnh	Nam	18/10/2002	Nghệ An	5.7	6.5	1617/QĐ180/2021	TH001544	
24	Đặng Văn Toàn	Nam	30/11/2003	Nghệ An	6.0	5.5	1618/QĐ180/2021	TH001545	
25	Phan Văn Trường	Nam	11/3/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1619/QĐ180/2021	TH001546	
26	Hoàng Trường	Nam	22/01/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1620/QĐ180/2021	TH001547	
27	Cao Trường	Nam	15/01/2003	Nghệ An	6.3	6.0	1621/QĐ180/2021	TH001548	
28	Phạm Văn Trường	Nam	16/9/2003	Nghệ An	6.3	5.5	1622/QĐ180/2021	TH001549	
29	Nguyễn Đình Tuấn	Nam	23/7/2002	Nghệ An	6.3	5.0	1623/QĐ180/2021	TH001550	
30	Trần Văn Việt	Nam	19/12/2003	Nghệ An	6.3	5.0	1624/QĐ180/2021	TH001551	
31	Phạm Nguyên Bảo	Nam	08/06/1998	Nghệ An	7.3	6.5	1625/QĐ180/2021	TH001552	
32	Nguyễn Thị Kim Dung	Nữ	17/01/1985	Nghệ An	7.7	8.5	1626/QĐ180/2021	TH001553	
33	Kha Thị Hằng	Nữ	11/09/1996	Nghệ An	5.3	6.0	1627/QĐ180/2021	TH001554	
34	Nguyễn Diệu Hằng	Nữ	26/08/1995	Nghệ An	6.3	5.5	1628/QĐ180/2021	TH001555	
35	Nguyễn Quang Hòa	Nam	01/10/1981	Nghệ An	5.7	6.5	1629/QĐ180/2021	TH001556	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
36	Hoàng Thị Hoàn	Nữ	18/02/1989	Nghệ An	7.7	8.5	1630/QĐ180/2021	TH001557	
37	Nguyễn Như Kỳ	Nam	07/04/1971	Nghệ An	7.0	6.5	1631/QĐ180/2021	TH001558	
38	Lê Thị Liên	Nữ	17/10/1996	Nghệ An	5.3	7.0	1632/QĐ180/2021	TH001559	
39	Cung Đình Ngọc	Nam	21/07/1973	Nghệ An	6.0	5.0	1633/QĐ180/2021	TH001560	
40	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Nữ	06/11/1997	Nghệ An	6.0	6.0	1634/QĐ180/2021	TH001561	
41	Vũ Quý Phát	Nam	17/04/1984	Nghệ An	7.0	5.5	1635/QĐ180/2021	TH001562	
42	Lê Thị Phương	Nữ	19/10/1997	Nghệ An	6.3	6.5	1636/QĐ180/2021	TH001563	
43	Hồ Sỹ Thi	Nam	28/08/1982	Nghệ An	6.3	6.0	1637/QĐ180/2021	TH001564	
44	Nguyễn Thị Thu	Nữ	01/03/1990	Nghệ An	5.7	5.5	1638/QĐ180/2021	TH001565	
45	Thái Thanh Tịnh	Nam	27/01/1983	Nghệ An	7.3	8.0	1639/QĐ180/2021	TH001566	
46	Trần Hoa Trung	Nữ	05/11/1968	Nghệ An	6.3	6.5	1640/QĐ180/2021	TH001567	
47	Hồ Thị An	Nữ	10/10/1998	Nghệ An	5.3	6.5	1565/QĐ180/2021	TH001492	
48	Bùi Tiến Dũng	Nam	05/06/1971	Nghệ An	7.0	6.0	1566/QĐ180/2021	TH001493	
49	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	17/09/1983	Nghệ An	6.0	6.0	1567/QĐ180/2021	TH001494	
50	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	02/08/1989	Nghệ An	8.0	8.0	1568/QĐ180/2021	TH001495	
51	Nguyễn Hữu Bình	Nam	29/01/1985	Nghệ An	8.0	8.0	1569/QĐ180/2021	TH001496	
52	Trần Thị Yến	Nữ	06/11/1985	Nghệ An	6.3	7.5	1570/QĐ180/2021	TH001497	
53	Lê Quang Chiến	Nam	20/03/1979	Nghệ An	5.7	7.5	1571/QĐ180/2021	TH001498	
54	Võ Tiến Dũng	Nam	26/09/1991	Nghệ An	6.0	6.0	1572/QĐ180/2021	TH001499	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
55	Trần Đình Duy	Nam	09/07/1990	Nghệ An	6.7	7.5	1573/QĐ180/2021	TH001500	
56	Nguyễn Cảnh Hạnh	Nam	18/12/1986	Nghệ An	6.3	6.5	1574/QĐ180/2021	TH001501	
57	Huỳnh Xuân Hòa	Nam	18/11/1989	Nghệ An	7.3	6.0	1575/QĐ180/2021	TH001502	
58	Vũ Bá Hoàn	Nam	15/05/1988	Nghệ An	7.3	6.5	1576/QĐ180/2021	TH001503	
59	Trần Thị Lan Hương	Nữ	21/07/1987	Nghệ An	7.0	7.5	1577/QĐ180/2021	TH001504	
60	Lê Thị Huyền	Nữ	01/06/1992	Nghệ An	6.0	6.0	1578/QĐ180/2021	TH001505	
61	Hoàng Thị Loan	Nữ	20/08/1993	Nghệ An	6.3	6.0	1579/QĐ180/2021	TH001506	
62	Nguyễn Thành Long	Nam	03/02/1982	Hà Tĩnh	6.0	5.5	1580/QĐ180/2021	TH001507	
63	Phạm Văn Nhật	Nam	03/12/1995	Nghệ An	6.3	7.0	1581/QĐ180/2021	TH001508	
64	Nguyễn Văn Phước	Nam	05/11/1992	Nghệ An	6.7	5.0	1582/QĐ180/2021	TH001509	
65	Đậu Đình Phương	Nam	03/02/1985	Nghệ An	5.7	6.0	1583/QĐ180/2021	TH001510	
66	Nguyễn Viết Quý	Nam	13/08/1991	Nghệ An	6.3	7.0	1584/QĐ180/2021	TH001511	
67	Nguyễn Duy Quỳnh	Nam	07/08/1988	Nghệ An	6.3	5.5	1585/QĐ180/2021	TH001512	
68	Mai Bá Sáng	Nam	29/12/1990	Nghệ An	6.7	6.5	1586/QĐ180/2021	TH001513	
69	Trần Quốc Sỹ	Nam	06/09/1990	Nghệ An	6.0	6.5	1587/QĐ180/2021	TH001514	
70	Hoàng Văn Thái	Nam	16/06/1992	Hà Tĩnh	6.3	5.0	1588/QĐ180/2021	TH001515	
71	Đặng Thái Toàn	Nam	24/02/1994	Nghệ An	5.7	7.5	1589/QĐ180/2021	TH001516	
72	Hồ Trọng Tráng	Nam	16/11/1995	Nghệ An	7.3	7.5	1590/QĐ180/2021	TH001517	
73	Nguyễn Doãn Tuấn	Nam	08/06/1986	Hà Tĩnh	7.0	6.5	1591/QĐ180/2021	TH001518	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
74	Trần Anh Tuấn	Nam	23/08/1992	Nghệ An	6.3	7.0	1592/QĐ180/2021	TH001519	
75	Trần Văn Tuấn	Nam	02/09/1991	Nghệ An	6.3	6.5	1593/QĐ180/2021	TH001520	
76	Nguyễn Văn Việt	Nam	12/02/1979	Nghệ An	6.7	6.0	1594/QĐ180/2021	TH001521	
77	Nguyễn Hữu Anh	Nam	14/10/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1468/QĐ180/2021	TH001568	
78	Hoàng Lê Tuấn Bảo	Nam	23/09/2004	Nghệ An	6.3	5.0	1469/QĐ180/2021	TH001569	
79	Cao Đức Chiến	Nam	17/08/2003	Nghệ An	6.7	7.5	1470/QĐ180/2021	TH001570	
80	Tăng Ngọc Chiến	Nam	03/02/2003	Nghệ An	6.3	7.5	1471/QĐ180/2021	TH001571	
81	Moong Văn Chiến	Nam	16/07/1995	Nghệ An	5.3	5.0	1472/QĐ180/2021	TH001572	
82	Nguyễn Viết Cương	Nam	11/12/2003	Nghệ An	6.0	5.0	1473/QĐ180/2021	TH001573	
83	Lê Thị Diệp	Nữ	29/08/2002	Nghệ An	5.7	6.5	1474/QĐ180/2021	TH001574	
84	Hoàng Minh Hải	Nam	30/09/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1475/QĐ180/2021	TH001575	
85	Ngô Xuân Hải	Nam	28/09/2002	Nghệ An	5.7	6.5	1476/QĐ180/2021	TH001576	
86	Cao Văn Hiếu	Nam	17/04/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1477/QĐ180/2021	TH001577	
87	Hoàng Thị Hồng Hoa	Nữ	26/12/2003	Nghệ An	6.3	7.5	1478/QĐ180/2021	TH001578	
88	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	15/11/2003	Nghệ An	6.0	7.5	1479/QĐ180/2021	TH001579	
89	Nguyễn Thế Hòa	Nam	01/04/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1480/QĐ180/2021	TH001580	
90	Trương Văn Hoàng	Nam	13/02/2003	Nghệ An	6.3	7.5	1481/QĐ180/2021	TH001581	
91	Cao Bá Hùng	Nam	02/08/2003	Nghệ An	5.3	5.5	1482/QĐ180/2021	TH001582	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
92	Trần Đình Hưng	Nam	11/05/2003	Nghệ An	6.0	6.0	1483/QĐ180/2021	TH001583	
93	Tăng Tuấn Hưng	Nam	13/08/2003	Nghệ An	5.7	7.5	1484/QĐ180/2021	TH001584	
94	Lâm Hữu Khải	Nam	18/12/2002	Nghệ An	6.3	5.0	1485/QĐ180/2021	TH001585	
95	Đinh Thị Linh	Nữ	29/10/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1486/QĐ180/2021	TH001586	
96	Cao Xuân Lộc	Nam	14/05/2003	Nghệ An	6.3	7.5	1487/QĐ180/2021	TH001587	
97	Trần Đình Lộc	Nam	26/07/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1488/QĐ180/2021	TH001588	
98	Trần Văn Lộc	Nam	15/09/2003	Nghệ An	6.0	7.0	1489/QĐ180/2021	TH001589	
99	Đoàn Văn Luật	Nam	24/04/2003	Nghệ An	5.7	7.5	1490/QĐ180/2021	TH001590	
100	Nguyễn Thị Mai	Nữ	20/05/2003	Nghệ An	5.3	7.5	1491/QĐ180/2021	TH001591	
101	Nguyễn Thế Mạnh	Nam	13/05/2003	Nghệ An	6.0	5.0	1492/QĐ180/2021	TH001592	
102	Nguyễn Thị Mơ	Nữ	29/11/2002	Nghệ An	5.7	5.5	1493/QĐ180/2021	TH001593	
103	Võ Văn Nhật	Nam	12/03/2002	Nghệ An	5.7	7.0	1494/QĐ180/2021	TH001594	
104	Hoàng Minh Quý	Nam	08/02/2003	Nghệ An	6.3	5.0	1495/QĐ180/2021	TH001595	
105	Lê Văn Quyết	Nam	01/09/2003	Nghệ An	5.3	5.5	1496/QĐ180/2021	TH001596	
106	Nguyễn Viêt Quyết	Nam	13/10/2003	Nghệ An	5.3	5.0	1497/QĐ180/2021	TH001597	
107	Đặng Văn Sỹ	Nam	02/09/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1498/QĐ180/2021	TH001598	
108	Phạm Thành Tài	Nam	13/04/2003	Nghệ An	7.0	5.0	1499/QĐ180/2021	TH001599	
109	Phan Văn Thành	Nam	02/06/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1500/QĐ180/2021	TH001600	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
110	Đặng Trọng Thịnh	Nam	20/07/1996	Nghệ An	6.7	7.5	1501/QĐ180/2021	TH001601	
111	Trần Quốc Thông	Nam	07/04/2003	Nghệ An	6.3	5.5	1502/QĐ180/2021	TH001602	
112	Hoàng Thị Tiến	Nữ	27/08/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1503/QĐ180/2021	TH001603	
113	Nguyễn Việt Tiến	Nam	12/04/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1504/QĐ180/2021	TH001604	
114	Tạ Khắc Tín	Nam	01/11/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1505/QĐ180/2021	TH001605	
115	Phạm Văn Trọng	Nam	07/01/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1506/QĐ180/2021	TH001606	
116	Ngô Đình Tú	Nam	21/09/2003	Nghệ An	6.3	5.0	1507/QĐ180/2021	TH001607	
117	Trần Khắc Tuấn	Nam	11/05/2003	Nghệ An	6.3	5.5	1508/QĐ180/2021	TH001608	
118	Nguyễn Danh Tuấn	Nam	05/09/2003	Nghệ An	5.3	5.5	1509/QĐ180/2021	TH001609	
119	Nguyễn Duy Tuấn	Nam	06/02/2003	Nghệ An	5.3	5.5	1510/QĐ180/2021	TH001610	
120	Lê Minh Tuyền	Nam	10/07/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1511/QĐ180/2021	TH001611	
121	Nguyễn Đình Văn	Nam	18/07/2003	Nghệ An	6.3	5.5	1512/QĐ180/2021	TH001612	
122	Hoàng Hữu Việt	Nam	25/08/2003	Nghệ An	5.7	7.5	1513/QĐ180/2021	TH001613	
123	Phạm Hữu Việt	Nam	17/11/2003	Nghệ An	5.3	5.0	1514/QĐ180/2021	TH001614	
124	Nguyễn Thị Yên	Nữ	28/10/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1515/QĐ180/2021	TH001615	
125	Lê Hồng Anh	Nam	17/09/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1516/QĐ180/2021	TH001616	
126	Trần Đức Anh	Nam	06/03/2003	Nghệ An	6.0	7.0	1517/QĐ180/2021	TH001617	
127	Đậu Công Bảo	Nam	27/11/2003	Nghệ An	6.0	7.0	1518/QĐ180/2021	TH001618	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
128	Nguyễn Thế Bảo	Nam	11/12/2003	Nghệ An	6.0	6.0	1519/QĐ180/2021	TH001619	
129	Hồ Thị Minh Châu	Nữ	13/12/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1520/QĐ180/2021	TH001620	
130	Trần Ngọc Chính	Nam	16/05/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1521/QĐ180/2021	TH001621	
131	Phạm Văn Cường	Nam	16/04/2003	Nghệ An	5.3	6.5	1522/QĐ180/2021	TH001622	
132	Hoàng Tiến Đạt	Nam	09/07/2002	Nghệ An	6.0	6.5	1523/QĐ180/2021	TH001623	
133	Đặng Trọng Đông	Nam	17/07/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1524/QĐ180/2021	TH001624	
134	Trần Văn Dũng	Nam	26/7/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1525/QĐ180/2021	TH001625	
135	Cao Thị Giang	Nữ	10/01/2003	Nghệ An	6.3	7.5	1526/QĐ180/2021	TH001626	
136	Phan Văn Hà	Nam	01/06/2002	Nghệ An	5.7	5.5	1527/QĐ180/2021	TH001627	
137	Đinh Văn Hậu	Nam	16/02/2003	Nghệ An	6.3	7.0	1528/QĐ180/2021	TH001628	
138	Nguyễn Đình Hiếu	Nam	18/10/2003	Nghệ An	6.3	7.5	1529/QĐ180/2021	TH001629	
139	Đặng Trọng Hoàng	Nam	10/05/2003	Nghệ An	5.7	7.0	1530/QĐ180/2021	TH001630	
140	Trần Đức Hoàng	Nam	20/08/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1531/QĐ180/2021	TH001631	
141	Trịnh Thị Khánh Huyền	Nữ	14/11/2003	Nghệ An	5.3	7.5	1532/QĐ180/2021	TH001632	
142	Cao Thị Huyền	Nữ	11/03/2003	Nghệ An	7.0	7.0	1533/QĐ180/2021	TH001633	
143	Cao Thị Khánh Huyền	Nữ	02/02/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1534/QĐ180/2021	TH001634	
144	Nguyễn Viết Kiều	Nam	21/03/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1535/QĐ180/2021	TH001635	
145	Dương Thị Lý	Nữ	12/05/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1536/QĐ180/2021	TH001636	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
146	Hồ Sỹ Nam	Nam	16/10/2003	Nghệ An	6.3	5.0	1537/QĐ180/2021	TH001637	
147	Bùi Văn Nghĩa	Nam	21/07/2003	Nghệ An	6.3	5.0	1538/QĐ180/2021	TH001638	
148	Đàm Thị Lan Nhung	Nữ	17/06/2003	Nghệ An	6.3	6.0	1539/QĐ180/2021	TH001639	
149	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	19/03/2003	Nghệ An	6.0	7.5	1540/QĐ180/2021	TH001640	
150	Đậu Tuấn Pháp	Nam	24/02/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1541/QĐ180/2021	TH001641	
151	Võ Hồng Phương	Nam	06/01/2003	Nghệ An	5.3	7.5	1542/QĐ180/2021	TH001642	
152	Đặng Hoàng Quân	Nam	03/01/2003	Nghệ An	6.0	6.0	1543/QĐ180/2021	TH001643	
153	Phan Huy Quân	Nam	09/12/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1544/QĐ180/2021	TH001644	
154	Phạm Văn Quý	Nam	13/04/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1545/QĐ180/2021	TH001645	
155	Nguyễn Văn Sang	Nam	16/03/2003	Nghệ An	5.7	7.5	1546/QĐ180/2021	TH001646	
156	Ngô Sỹ Tuấn Sang	Nam	09/05/2003	Nghệ An	6.3	6.0	1547/QĐ180/2021	TH001647	
157	Thái Trần Quang Sáng	Nam	28/10/2003	Nghệ An	5.3	6.5	1548/QĐ180/2021	TH001648	
158	Hoàng Thị Sương	Nữ	15/08/2003	Nghệ An	6.3	6.0	1549/QĐ180/2021	TH001649	
159	Đặng Văn Thạch	Nam	25/12/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1550/QĐ180/2021	TH001650	
160	Cao Thị Hoài Thanh	Nữ	21/09/2003	Nghệ An	6.0	6.0	1551/QĐ180/2021	TH001651	
161	Hoàng Trung Thành	Nam	08/11/2003	Nghệ An	5.3	5.5	1552/QĐ180/2021	TH001652	
162	Tạ Khắc Thông	Nam	02/11/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1553/QĐ180/2021	TH001653	
163	Nguyễn Việt Thực	Nam	23/09/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1554/QĐ180/2021	TH001654	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
164	Võ Thị Trà	Nữ	09/09/2003	Nghệ An	6.0	5.0	1555/QĐ180/2021	TH001655	
165	Vũ Thị Huyền Trang	Nữ	10/09/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1556/QĐ180/2021	TH001656	
166	Cao Đăng Triều	Nam	08/02/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1557/QĐ180/2021	TH001657	
167	Nguyễn Thái Trung	Nam	17/06/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1558/QĐ180/2021	TH001658	
168	Phan Huy Trường	Nam	22/03/2003	Nghệ An	6.7	5.5	1559/QĐ180/2021	TH001659	
169	Đặng Minh Tú	Nam	19/06/2003	Nghệ An	6.3	7.0	1560/QĐ180/2021	TH001660	
170	Thái Văn Tú	Nam	07/07/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1561/QĐ180/2021	TH001661	
171	Tạ Danh Tú	Nam	09/01/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1562/QĐ180/2021	TH001662	
172	Cao Đăng Tuệ	Nam	06/12/2003	Nghệ An	5.3	7.5	1563/QĐ180/2021	TH001663	
173	Lê Văn Việt	Nam	10/04/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1564/QĐ180/2021	TH001664	

